

Số: 465/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt bổ sung Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình  
và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và  
xã hội thực hiện tại tỉnh Thái Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005; Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 28/TTr-STTTT ngày 28/02/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung Danh mục 21 (hai mươi một) dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội, gồm:

- 10 (mười) dịch vụ công trực tuyến toàn trình (có Phụ lục I kèm theo);
- 11 (mười một) dịch vụ công trực tuyến một phần (có Phụ lục II kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố rà soát, xây dựng quy trình điện tử trong xử lý

hồ sơ dịch vụ công trực tuyến tại Điều 1 Quyết định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày **20/3/2023** để cập nhật lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát, kiểm thử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Thái Bình;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS. *Vũ Đông*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**



**Phụ lục I**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH**  
 (Kèm theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 03/3/2023  
 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình).

| STT | TÊN DVC/TTHC                                                                                                                                                               | LĨNH VỰC                   | QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH        | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|---------------|
| 1   | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                                        | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp xã        |
| 2   | Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                                 | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp huyện     |
| 3   | Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                                          | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp huyện     |
| 4   | Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng              | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp huyện     |
| 5   | Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                        | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp tỉnh      |
| 6   | Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                    | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp tỉnh      |
| 7   | Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                    | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp tỉnh      |
| 8   | Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn | Giáo dục nghề nghiệp       | Số 2238/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 | Cấp tỉnh      |

|    |                                                                                                                                                                                 |                      |                                    |          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------|----------|
| 9  | Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp | Giáo dục nghề nghiệp | Số 2238/QĐ-UBND<br>ngày 07/10/2022 | Cấp tỉnh |
| 10 | Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật                                                                     | Bảo trợ xã hội       | Số 3153/QĐ-UBND<br>ngày 07/10/2018 | Cấp tỉnh |



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN**  
*(Kèm theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 09/3/2023*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình).*

| STT | TÊN DVC/TTHC                                                                                                                                                                                                                     | LĨNH VỰC       | QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH        | CẤP THỰC HIỆN |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|---------------|
| 1   | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng                                                                                                                     | Bảo trợ xã hội | Số 1559/QĐ-UBND ngày 02/07/2021 | Cấp huyện     |
| 2   | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh                                                | Bảo trợ xã hội | Số 1559/QĐ-UBND ngày 02/07/2021 | Cấp huyện     |
| 3   | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Bảo trợ xã hội | Số 1559/QĐ-UBND ngày 02/07/2021 | Cấp huyện     |
| 4   | Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp                                                                                                                                                          | Bảo trợ xã hội | Số 3154/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 | Cấp huyện     |
| 5   | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng                                                                                                                                                                              | Bảo trợ xã hội | Số 1559/QĐ-UBND ngày 02/07/2021 | Cấp huyện     |
| 6   | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp                                                                                                                                                                          | Bảo trợ xã hội | Số 1559/QĐ-UBND ngày 02/07/2021 | Cấp huyện     |
| 7   | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc                                                                                                  | Bảo trợ xã hội | Số 1559/QĐ-UBND ngày 02/07/2021 | Cấp huyện     |

|    |                                                                                                                 |                |                                    |                        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------|------------------------|
| 8  | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                                    | Bảo trợ xã hội | Số 3155/QĐ-UBND<br>ngày 03/12/2018 | Cấp xã                 |
| 9  | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện | Bảo trợ xã hội | Số 1629/QĐ-UBND<br>ngày 06/07/2021 | Cấp tỉnh,<br>cấp huyện |
| 10 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện                           | Bảo trợ xã hội | Số 1629/QĐ-UBND<br>ngày 06/07/2021 | Cấp tỉnh,<br>cấp huyện |
| 11 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện                                              | Bảo trợ xã hội | Số 1629/QĐ-UBND<br>ngày 06/07/2021 | Cấp tỉnh,<br>cấp huyện |